TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – T do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/5/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

Với tH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Ngữ.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần TH1nh Đô.
Ông Nguyễn Quang Vinh.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến H1nh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Mông Thị T, sinh năm1985; (vắng mặt)
Trú tại thôn Hèo 18A, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1978; (vắng mặt)
Trú tại thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn D năm 2003, trước khi cưới có được T do tìm hiểu, T nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn , vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã.Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thị H1 sinh ngày 24/5/2003 và Hoàng Thị N sinh ngày 21/10/2006. Hiện cả 2 cháu đang ở cùng anh D, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc và ở xa, anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Anh Hoàng Văn D là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh xác nhận lời khai của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau khi mâu thuẫn thì chị T bỏ vào miền Nam từ năm 2006 đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, hiện 2 cháu đang ở cùng anh, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mông Thị T và anh Hoàng Văn D kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở T do tìm hiểu, T nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Vợ chồng chị T, anh D sống ly thân từ năm 2010 đến nay không quan tâm liên lạc gì với nhau, tình cảm không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D đồng ý.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D đã không còn, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, liên lạc hay có trách nhiệm gì với nhau. Do đó, mục đích xây Dng gia đình hạnh phúc, các tH1nh viên trong gia đình quan tâm giúp đỡ nhau không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thị H1 sinh ngày 24/5/2003 và Hoàng Thị N sinh ngày 21/10/2006, hiện cả 2 cháu đang sinh sống ổn định cùng anh D. Nay ly hôn các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị Mông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mông Thị T ly hôn anh Hoàng Văn D.

[2]. Về án phí: Chị Mông Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007054 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Lạng Giang. Chị Mông Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đ□ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Lạng Giang*;
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ